TAND TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ***Ông Trần Ngọc Triệu***
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phước Lộc – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm dân số và kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.
2. Ông Dương Tấn Đấu – Chức vụ: Cán bộ hưu trí
Thư ký phiên tòa: ***Ông Phạm Văn Chung****– Thư ký Toà án huyện Phú Quốc.*
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: ***Bà Cao Thị nhung*** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST- HNGĐ, ngày 22/4/2019, về: "Ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Tuyết Ng, sinh năm 1981
- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: tổ 6 ấp A, xã B, huyện Phú Quốc, Kiên Giang

- Con chung: Cháu Trần Văn H, sinh năm 2004; cháu Trần Thị Trúc L, sinh năm 2006 và cháu Trần Phú Tr, sinh ngày 04/9/2016 (địa chỉ: cùng địa chỉ cha mẹ)

(chị Ng có đơn xin vắng mặt, anh T và con chung vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại bản tự khai và các ý kiến có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết Ng trình bày:

Chị Ng và anh Trần Văn T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phú Quốc vào ngày 14 tháng 5 năm 2004.

Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau ba con chung là Trần Văn H; Trần Thị Trúc L và Trần Phú Tr. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh Tập.

Về con chung: Đối với cháu H, cháu L đã lớn, chị tôn trọng nguyện vọng của con về việc ở với ai, cháu Trọng còn nhỏ chị nhận chăm sóc, tuy nhiên chị Ng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Văn H; Trần Thị Trúc L và Trần Phú Tr đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Chị Ng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không có ý kiến và không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn T được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được, Toà tiến hành lập biên bản không hoà giải và không công khai chứng cứ được.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật; Tuy nhiên Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của chị Phan Thị Tuyết Ng về việc xin ly hôn với anh Trần Văn T, có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hôn nhân giữa chị Ng và anh T là hợp pháp có đăng ký kết hôn, được pháp luật thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, vợ chồng thường xuyên cự cải xảy ra đánh nhau. Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Tuyết Ng.

Về con chung: Cháu Trần Văn H có nguyện vọng ở với cha khi cha mẹ ly hôn, cháu Trần Thị Trúc L có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Tr còn nhỏ. Chị Ng đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung Trần Thị Trúc L, Trần Phú Tr

đến tuổi trưởng thành, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao hai con chung cho L, Tr cho chị Ng nuôi dưỡng; giao con chung Trần Văn H cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Ng không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung: Chị Ng không yêu cầu xem xét, đề nghị miễn xét

Công nợ chung: Chị Ng không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn chị Ng.

Anh Trần Văn T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố tụng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Tuyết Ng và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phú Quốc vào ngày 14 tháng 5 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Tuyết Ng xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ng giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Đồng thời qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng chị Ng và anh T thì việc mâu thuẫn vợ chồng là có thật, vợ chồng thường xảy ra ẩu đả. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận chị Phan Thị Tuyết Ng được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Ng và anh T có ba con chung là Trần Văn H; Trần Thị Trúc L và Trần Phú Tr. Cháu Trần Văn H có nguyện vọng ở với cha khi cha mẹ ly hôn, cháu Trần Thị Trúc L có nguyện vọng ở với mẹ.

Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của những người con chưa thành niên; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Trần Văn H cho anh Trần Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thị Trúc L, cháu Trần Phú Tr cho chị

Phan Thị Tuyết Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trường thành, việc cấp dưỡng chị Ng không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị Tuyết Ng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Phan Thị Tuyết Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị Tuyết Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35,147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Tuyết Ng được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung:

a. Giao cháu Trần Thị Trúc L và cháu Trần Phú Tr cho chị Phan Thị Tuyết Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi); Giao cháu Trần Văn H cho anh Trần Văn T chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

b. Chị Phan Thị Tuyết Ng và anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Tuyết Ng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về công nợ chung: Chị Phan Thị Tuyết Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Tuyết Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0002505 ngày 22/4/2019, chị Ng không phải nộp thêm.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- UBND xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần NgọcTriệu